

THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

OPERATIONAL CAPITAL PERFORMANCE OF DONG NAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Huỳnh Chí Giới

Khoa KTVT, Trường Đại học GTVT Tp.HCM

Tóm tắt: Bài báo muốn giới thiệu đến quý độc giả thực trạng hiệu quả sử dụng vốn của Công ty Cổ phần cảng Đồng Nai (2014-2017) và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty trong thời gian tới.

Từ khóa: Hiệu quả sử dụng vốn.

Chỉ số phân loại: 3.2

Abstract: The basis of this article is to present effectiveness of capital performance of Dong Nai joint stock company (2014-2017) then provide some solutions to improve this firm's effectiveness of equity.

Keywords: Effectiveness of equity.

Classification number: 3.2

1. Giới thiệu.

Trong nền kinh tế hiện nay nhu cầu về vốn cho doanh nghiệp ngày càng quan trọng, việc tìm kiếm nguồn vốn với chi phí thấp luôn được quan tâm thường xuyên, song song đó mục tiêu sử dụng hiệu quả nguồn vốn cũng được chú trọng và được theo dõi định kỳ, vì huy động vốn đã rất khó khăn nên việc khai thác đồng vốn hợp lý để đạt được mục tiêu lợi nhuận càng có ý nghĩa sống còn đối với doanh nghiệp.

Hiệu quả sử dụng vốn phản ánh trình độ sử dụng vốn của doanh nghiệp với phí thấp nhất có thể cung cấp thông tin thực tế để có quyết định đầu tư đúng đắn trong tương lai. Hiệu quả khai thác vốn được đo lường tỷ lệ kết quả sản xuất kinh doanh với quy mô vốn mà doanh nghiệp đang nắm giữ tương ứng với mỗi giai đoạn.

Một số chỉ tiêu cơ bản để phân tích hiệu quả sử dụng vốn của một công ty. Trước hết là hiệu quả sử dụng toàn bộ vốn của Công ty gồm: Sức sản xuất và sức sinh lợi của tổng nguồn vốn, sức sản xuất và sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu.

Hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn gồm một số chỉ tiêu như sau: Vòng quay của vốn ngắn hạn, số ngày cho một vòng quay vốn ngắn hạn, tỷ lệ doanh lợi trên vốn ngắn hạn, hệ số thanh toán hiện thời và thanh toán

nhANH. Hiệu quả sử dụng vốn dài hạn được chia ra thành hiệu quả sử dụng vốn cố định và vốn tài sản cố định (TSCĐ). Trong đó hiệu quả sử dụng vốn cố định có thể phân tích qua một số chỉ tiêu cơ bản như: Hiệu suất sử dụng vốn cố định, sức sinh lời của vốn cố định, hàm lượng vốn cố định, hiệu quả sử dụng TSCĐ có thể đánh giá qua một số chỉ tiêu như: Hiệu suất sử dụng TSCĐ, suất hao phí của TSCĐ và sức sinh lời của TSCĐ

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn sẽ giúp doanh nghiệp hạn chế rủi ro mất vốn và tận dụng cơ hội thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh và năng lực tài chính trước sự biến động của nền kinh tế thị trường.

Công ty Cổ phần (CTCP) cảng Đồng Nai được thành lập vào năm 1989, Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh Đồng Nai ký quyết định số 714/QĐUBT thành lập cảng Đồng Nai, tiền thân là một xí nghiệp trực thuộc Sở Giao thông vận tải Đồng Nai. Đến năm 1995 UBND tỉnh Đồng Nai quyết định thành lập Doanh nghiệp (DN) Nhà nước cảng Đồng Nai theo Nghị định 388 của Chính phủ và Quyết định số 1367/QĐUBT.

Tháng 02 năm 2008, công ty chính thức chuyển đổi thành CTCP cảng Đồng Nai với vốn điều lệ ban đầu là 49 tỷ đồng. Hiện nay, công ty cung cấp dịch vụ khai thác cảng, vận

tải đa phương thức và dịch vụ logistics cho khách hàng cùng với các dịch vụ hỗ trợ khác tại hai chi nhánh cảng chính gồm: Cảng Long Bình Tân (LBT) và cảng Gò Dầu (GD) với khách hàng chủ yếu tại khu vực Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM), Lâm Đồng, Bình Thuận, Bình Dương. Tại thời điểm 31/12/2017, công ty đang quản lý 267 cán bộ công nhân viên (CBCNV), quy mô vốn điều lệ 123.479 tỷ đồng với 25 thiết bị phương tiện xếp dỡ, cùng với 26,000 m² kho và 110,000 m² bãi tại cảng LBT và GD, 124 m chiều dài cầu cảng container và 902 m chiều dài cầu cảng hàng tổng hợp, trong đó có 250 m cầu cảng tiếp nhận tàu 30,000 DWT tại GD B.

2. Thực trạng hiệu quả sử dụng vốn của CTCP Cảng Đồng Nai (2014-2017)

2.1. Quy mô và cơ cấu vốn của công ty

Quy mô vốn hay tổng giá trị tài sản của Công ty có xu hướng tăng liên tục từ 493.862 tỷ đồng năm (2014) tăng lên 845.326 tỷ đồng

(2017), lượng tăng bình quân đạt 87.866 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng trung bình 19.85% là khá thấp, quy mô vốn của Công ty về mặt tổng thể giai đoạn 2014 - 2017 không có nhiều biến động, tương đối ổn định. Quy mô vốn ngắn hạn và dài hạn đều tăng liên tục qua các năm, nhưng cơ cấu vốn có nhiều thay đổi cụ thể năm 2015 vốn ngắn hạn chiếm tỷ trọng thấp nhất 17.79% với 144.544 tỷ đồng, cơ cấu vốn dài hạn chiếm 82.21% cao nhất với 529.216 tỷ đồng đây là thời điểm công ty đưa vào khai thác nhiều tài sản có giá trị lớn như bến tàu, thiết bị xếp dỡ, mở rộng kho bãi,... làm tăng vốn TSCĐ. Từ năm 2016 đến năm 2017 cơ cấu vốn ngắn hạn tăng trở lại dao động từ 22.21% - 28.83%, cơ cấu vốn dài hạn giảm từ 77.79% (2016) xuống còn 71.17% (2017) do tốc độ tăng bình quân của vốn ngắn hạn (30.08%) cao hơn nhiều so với tốc độ tăng bình quân vốn dài hạn (17.82%) nên ảnh hưởng nhiều đến tỷ trọng vốn.

Bảng 1. Quy mô và cơ cấu vốn của CTCP Cảng Đồng Nai (2014-2017).

ĐVT: Tỷ đồng.

STT	Tài sản	2014		2015		2016		2017	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Tài sản ngắn hạn	116.385	23.57	114.544	17.79	162.576	22.21	243.704	28.83
2	Tiền và các khoản tương đương tiền	57.293	11.60	57.424	8.92	100.34	13.71	177.824	21.04
3	Các nghiệp để đạt được kết quả cao nhất với chi khoản phải thu ngắn hạn	54.602	11.06	51.086	7.94	61.807	8.44	64.456	7.62
4	Hàng tồn kho	0.321	0.06	0.474	0.07	0.137	0.02	480.254	56.81
5	Tài sản ngắn hạn khác	4.169	0.84	5.560	0.86	0.292	0.04	0.943	0.11
6	Tài sản dài hạn	377.477	76.43	529.216	82.21	569.55	77.79	601.622	71.17
7	Tài sản cố định	334.284	67.69	368.420	57.23	412.577	56.35	414.186	49.00
8	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	22.165	4.49	22.165	3.44	22.165	3.03	22.165	2.62
9	Tài sản dài hạn khác	21.028	4.26	15.664	2.43	27.396	3.74	26.94	3.19
10	Tài sản dở dang dài hạn khác	0	0.00	122.967	19.10	107.412	14.67	138.331	16.36
11	Tổng tài sản	493.862	100.00	643.760	100.00	732.126	100.00	845.326	100.00

Nguồn. P. Tài chính-Kế toán CTCP cảng Đồng Nai (2018)

2.2. Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh

Các chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn Công ty giai đoạn 2016 - 2017 có sự tăng giảm không ổn định, sức sản xuất tăng chậm mà sức sinh lợi lại có xu hướng giảm nhưng nhìn chung sự biến động không quá lớn cả về tăng trưởng và sụt giảm ở các chỉ tiêu.

Sức sản xuất của tổng tài sản tăng giảm không liên tục xu hướng tăng vẫn là chủ yếu với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 4.29%, năm 2015 cứ 100 đồng vốn công ty tạo ra được 50.08 đồng doanh thu thuần thấp hơn năm 2014 (54.69%). Đến năm 2016, 2017 tăng liên tục lần lượt là 57.63% và 61.22%. Nhận thấy, sức sản xuất của tổng tài sản không ổn định, tăng trưởng khá chậm vì tốc độ tăng trưởng bình quân giữa tài sản (19.85%) và doanh thu thuần (24.29%) có sự chênh lệch không quá lớn, tốc độ phát triển của doanh thu chưa vượt xa tốc độ tăng trưởng của tổng tài sản khiến cho hiệu suất sử dụng tổng tài sản chưa cao.

Nhưng nhìn chung chỉ tiêu này từ năm 2016 đã có sự phục hồi khá tốt do doanh thu phục vụ tàu và hàng đến cảng Đồng Nai và Gò Dầu tăng mạnh nhờ chiến lược kinh doanh có sự cải tiến.

Sức sinh lợi trên tổng tài sản có xu hướng giảm, tốc độ giảm trung bình 1.17%, thấp nhất là năm 2015 khi 100 đồng vốn được khai thác thì Công ty chỉ nhận được 7.92 đồng lợi nhuận ròng kém xa so với năm 2014 (9.63%) và đến các năm 2016, 2017 tăng chậm từ 9.01% lên 9.05% và chưa phục hồi nhiều so với năm 2014, cho thấy sự dư thừa công năng đang diễn ra trong hoạt động khai thác kinh doanh cảng biển của công ty. Do trong bốn năm qua tổng tài sản của công

ty tăng liên tục với tốc độ tăng bình quân 19.85% lớn hơn nhiều so với tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế là 17.53% cụ thể từ năm 2015 Công ty triển khai nhiều dự án mở rộng quy mô tài sản, tập trung nhiều nhất vào quy mô TSCĐ hữu hình, đồng thời sự tăng mạnh của chi phí xây dựng cơ bản tăng liên tục từ năm 2013 đến năm 2017 trong các dự án mở rộng cảng LBT và GD. Tuy nhiên, sức sinh lời tài sản trên 9% là khá tốt so với sức sinh lời trung bình của ngành cảng biển.

Sức sản xuất của vốn chủ sở hữu tăng liên tục cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu Công ty thu được 86.31 đồng doanh thu thuần năm 2014 và tăng liên tục đến năm 2017 đạt 124.05 đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân của chỉ tiêu này đạt 12.09%, cho thấy quy mô vốn chủ sở hữu được đầu tư, khai thác đúng chỗ nên tốc độ tăng trưởng bình quân của doanh thu thuần đạt 24.29% lớn hơn rất nhiều so với tốc độ tăng bình quân của VCSH là 10.08%, quy mô VCSH gia tăng rất chậm nhưng sức sản xuất của đồng vốn tư lại rất cao tác động tích cực đến hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu. *Sức sinh lời của VCSH hay tỷ số ROE* của Công ty giai đoạn 2014-2017 có xu hướng tăng trưởng liên tục, nhưng mức độ thay đổi không quá lớn tốc độ tăng bình quân hằng năm đạt 6.69%, năm 2012 cứ 100 đồng vốn tự có thì Công ty nhận được 15.19 đồng lợi nhuận ròng thấp nhất đến năm 2014 tăng lên 18.34 đồng lợi nhuận ròng cao nhất, quy mô vốn chủ sở hữu tăng với tốc độ trung bình là 10.08%. Nhưng tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế lại lớn hơn nhiều đạt 17.53% đã giúp tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu thu được kết quả khả quan.

Bảng 2. Hiệu quả sử dụng vốn của công ty CP cảng Đồng Nai (2014-2017).

ĐVT: %

STT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	TB
1	Sức sản xuất của tổng tài sản	54.69	50.08	57.63	61.22	104.29
2	Sức sinh lợi của tổng tài sản	9.63	7.92	9.01	9.05	98.83
3	Sức sản xuất của vốn chủ sở hữu	86.31	96.26	112.99	124.05	112.90
4	Sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu	15.19	15.22	17.67	18.34	106.69

Nguồn. P. Tài chính-Kế toán CTCP Cảng Đồng Nai (2018).

2.3. Hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn

Bảng 3. Hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn của Công ty CP Cảng Đồng Nai (2014-2017).

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2016	2017	TB
1	Sức sinh lợi của vốn ngắn hạn	%	40.85%	44.51%	40.59%	31.39%	92.50%
2	Vòng quay của vốn ngắn hạn	Vòng	2.32	2.81	2.60	2.12	98.44%
3	Thời gian một vòng luân chuyển	ngày/vòng	155.12	127.89	138.72	169.53	104.38%

Nguồn. P. Tài chính-Kế toán CTCP cảng Đồng Nai (2018)

Hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn nhìn chung có nhiều bất ổn chưa đạt được như kỳ vọng mặc dù lợi nhuận sau thuế đều tăng liên tục qua các năm.

Tỷ suất sinh lời trên vốn ngắn hạn có khuynh hướng giảm, tốc độ giảm bình quân là 7.5%, năm 2014 cứ 100 đồng vốn ngắn hạn mang về cho Công ty 40.85 đồng lợi nhuận ròng, tăng cao nhất là năm 2016 (44.85%) và thấp nhất là năm 2017 (31.39%).

Vốn ngắn hạn chưa thực sự mang lại sức sinh lợi cao cho Công ty khi tốc độ tăng trung bình vốn ngắn hạn khá cao 30.08% hằng năm nhưng tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 17.53%.

Số vòng quay của vốn ngắn hạn giảm liên tục từ 2.32 vòng (2014) giảm còn 2.12 vòng (2017), tốc độ giảm bình quân 1.56%, kéo theo số ngày bình quân cho một vòng quay vốn ngắn hạn cũng tăng trung bình 4.38% từ 155.2 ngày cho một vòng quay (2014) tăng lên 169.53 ngày (2017).

Số vòng quay giảm và số ngày trên một vòng quay tăng qua các năm cho thấy sự quản trị vốn ngắn hạn của Công ty còn chưa tốt, nếu kéo dài ảnh hưởng không tốt đến sự luân chuyển của vốn ngắn hạn, đáng chú ý là các khoản tiền và tương đương tiền chiếm tỷ trọng rất cao từ 50% - 72% trong vốn ngắn hạn tốc độ tăng trung bình lên tới 50.72%.

Công ty chưa tận dụng hết được quy mô vốn ngắn hạn đang có ở khoản tiền và tương đương tiền, tồn đọng lớn mà chưa có kênh đầu tư phù hợp để khai thác triệt để cơ hội từ nguồn vốn này mặc dù nó cũng mang lại một số ưu thế nhất định đó là tỷ số thanh toán

hiện hành của Công ty đang rất cao từ 1.01-1.50 (2014-2017) đảm bảo chủ động trong việc thanh toán nhanh các khoản nợ đến hạn, tỷ số thanh toán nhanh cũng tương tự.

2.4. Hiệu quả sử dụng vốn dài hạn

Hiệu quả sử dụng vốn cố định có khuynh hướng tăng nhưng tăng rất thấp ở chỉ tiêu hiệu suất sử dụng vốn cố định. Cứ 100 đồng vốn cố định (2014) sẽ có được 71.55 đồng doanh thu thuần giảm nhẹ còn 60.93 đồng (2015) và tăng liên tục đến 86.02% (2017), tốc độ tăng bình quân 7.62%.

Hàm lượng vốn cố định có xu hướng giảm nhẹ với tốc độ giảm bình quân đạt 4.73%, cao nhất là năm 2015 để có 100 đồng doanh thu thuần cần 164.14 đồng vốn cố định đến năm 2017 giảm còn 116.26 đồng.

Sức sinh lời của vốn cố định tăng trưởng bình quân khá nhỏ 2.17%, thấp nhất là năm 2015, cứ 100 đồng vốn cố định mang về 9.63 đồng lợi nhuận ròng đến năm 2017 tăng lên 12.71 đồng lợi nhuận ròng, biến động giảm sâu và tăng chậm do mức độ khai thác TSCĐ còn chưa cao mà quy mô lại chiếm tỷ trọng rất cao trong vốn cố định từ 68% - 88% (2014 - 2017), đặc trưng sản xuất kinh doanh của cảng biển phải sử dụng tài sản cố định rất lớn liên quan đến cầu bến, kho bãi, thiết bị xếp dỡ.

Chỉ tiêu hiệu suất sử dụng TSCĐ tăng liên tục cứ bình quân 100 đồng TSCĐ mang về 80.80 đồng doanh thu thuần (2014) tăng lên 124.94 đồng doanh thu thuần (2017) với tốc độ phát triển trung bình là 15.78%, cho thấy hiệu quả sử dụng TSCĐ đang trong tình hình rất tốt khi mà quy mô TSCĐ không ngừng tăng lên, tập trung nhiều khối TSCĐ

hữu hình tăng từ 155.9 tỷ đồng đến 410.7 tỷ đồng (2014-2017) chiếm tỷ trọng từ 76% đến 90% tổng giá trị TSCĐ. Tốc độ tăng trưởng bình quân 3.0%, tình hình TSCĐ hữu hình tăng do sự đóng góp của khối tài sản nhà cửa kiến trúc chiếm tỷ trọng rất lớn qua các năm từ 70%-80% tổng giá trị TSCĐ hữu hình từ các dự án mở rộng quy mô cảng Long Bình

Tân và Gò Dầu, đứng thứ hai là giá trị của máy móc thiết bị xếp dỡ chiếm từ 10% - 18%, quy mô của nó cũng tăng rất mạnh vào năm 2015 và 2016, đầu tư nhiều vào TSCĐ giúp năng lực giải phóng hàng của cảng diễn ra nhanh hơn nhờ đó tốc độ phát triển bình quân của doanh thu cũng tăng cao 24.29%.

Bảng 4 Hiệu quả sử dụng vốn dài hạn của Công ty CP Cảng Đồng Nai (2014-2017).

DVT: %

STT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	TB
1	Hiệu quả sử dụng vốn cố định					
	Hiệu suất sử dụng vốn cố định	71.55	60.93	74.08	86.02	107.62
	Hàm lượng vốn cố định	139.75	164.14	134.99	116.26	95.27
	Sức sinh lời của vốn cố định	12.59	9.63	11.59	12.71	102.17
2	Hiệu quả sử dụng TSCĐ					
	Hiệu suất sử dụng TSCĐ	80.80	87.52	102.26	124.94	115.78
	Suất hao phí của TSCĐ	123.76	114.26	97.79	80.04	86.58
	Sức sinh lời của TSCĐ	14.22	13.84	15.99	18.47	109.45

Nguồn: P. Tài chính-Kế toán CTCP Cảng Đồng Nai (2018)

Sức sinh lời của TSCĐ tăng giảm không ổn định, năm 2014 cứ bình quân 100 đồng TSCĐ sẽ mang về 14.22 đồng thu nhập ròng cho Công ty, thấp nhất ở năm 2015 (13.84 %), đến năm 2017 đạt 18.47% điều mâu thuẫn cũng phát sinh do việc đầu tư mở rộng quy mô tài sản từ thiết bị xếp dỡ và công trình kho bãi cầu bến liên tục từ năm 2012 cho đến nay đã tạo gánh nặng chi phí khấu hao khá lớn, tốc độ tăng trung bình lên tới 31.15% (2014 - 2017), tăng tuyệt đối bình quân 8.38 tỷ đồng.

Diễn hình năm 2016, cảng đầu tư thêm một cầu Liebherr thứ 3 nhằm làm tăng năng lực làm hàng tại LBT, bến 30,000 DWT tại GD mới đưa vào khai thác năm 2015 làm tăng năng lực tiếp nhận tàu, những năm đầu khai thác thường xảy ra tình trạng dư thừa công suất, kế hoạch tổ chức khai thác khối tài sản ấy lại chưa hoàn thiện, cùng với chi phí đền bù từ dự án mở rộng cảng và chi phí thuê ngoài ngày càng lớn với tốc độ tăng bình quân hơn 40% khiến nhưng sức sinh lời tăng trưởng chậm.

3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn

3.1. Giải pháp tăng doanh thu

Dựa trên chiến lược của công ty “Chiến lược mở rộng thị trường mới và phát triển dịch vụ mới” tác giả đề xuất giải pháp tập trung mở rộng thị phần cho mảng dịch vụ logistics của phòng Kho vận Logistics của công ty.

Đa dạng hóa dịch vụ và nâng cao chất lượng dịch vụ logistics tốt hơn so với đối thủ cạnh tranh lớn và có nhiều kinh nghiệm như cảng Bình Dương, ICD Phước Long, của CTCP Gemadept, ICD Biên Hòa, ICD Tân Cảng - Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai,...

Cần có đội ngũ khảo sát thị trường và đối thủ cạnh tranh để biết được những điểm mạnh, điểm yếu của họ từ đó xây dựng chính sách giá cả phù hợp và những gói dịch vụ logistics tốt hơn nhằm thu hút khách hàng mới và giữ chân khách hàng cũ, đồng thời mở rộng nhu cầu vận tải hàng hóa của khách hàng cũ trước đây thay vì chỉ sử dụng các dịch vụ cảng đơn lẻ của Công ty.

3.2. Giải pháp tiết kiệm chi phí SXKD:

Tiết kiệm nhiên liệu, động lực: Để đạt được mục tiêu này Công ty cần rà soát, đo

thời gian và đoạn đường hay xảy ra các hoạt động gây lãng phí nhiên liệu như cầu khung bánh lốp di chuyển quá nhiều, thời gian xe đầu kéo chờ để gấp container lâu mà vẫn đang chạy máy hoặc cầu bánh lốp, bánh xích xếp dỡ hàng phải chờ công nhân lập mã hàng quá lâu, nơi bị ách tắc vào giờ cao điểm ở khu vực đầu bến hay bãi của cảng, thường xuyên bảo dưỡng các công trình điện năng trong cảng, thay mới nếu xuống cấp để hạn chế hao phí điện năng quá lớn, tuyên truyền nâng cao ý thức tiết kiệm điện cho nhân viên trong công ty,...

Tiết kiệm chi phí mua ngoài: Không ngừng tìm kiếm những công ty liên kết có giá cả phù hợp hơn và chất lượng dịch vụ đảm bảo, không lệ thuộc quá nhiều vào một số công ty liên kết nhất định, đồng thời công ty nên xem xét những mảng dịch vụ nào mà có thể tận dụng cơ sở hạ tầng của cảng đã được mở rộng và mua sắm cụ thể công ty nên tận dụng khu vực tăng thêm của kho hàng ở Long Bình Tân để cung cấp thêm dịch vụ bao bì, đóng gói, dán nhãn hay kiểm đếm cho khách hàng tại chỗ và sửa chữa đóng gói lại hàng hóa nếu khách hàng có nhu cầu đây là yếu tố quan trọng không thể bỏ qua để nâng cao hiệu quả cho chuỗi logistics của công ty.

Bên cạnh giai đoạn 2014 - 2017 vừa qua công ty tập trung nhiều dự án mở rộng diện tích cảng và hạ tầng kho bãi là chủ yếu, trong những năm tiếp theo công ty nên tập trung xây dựng kế hoạch mua sắm thiết bị và xe đầu kéo làm hàng là chính để gia tăng nguồn lực bên trong cho công ty, giảm dần việc thuê ngoài các thiết bị xếp dỡ và phương tiện vận tải.

3.3. Sử dụng hiệu quả nguồn nhân sự

Thường xuyên kiểm tra, nâng cao tay nghề cho nhân viên lái cầu cũng như nhân viên kế hoạch bãi và kế hoạch tàu làm cho “dòng chảy container và hàng tổng hợp” trong quá trình làm hàng được nhanh chóng.

Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ tại chỗ và thường xuyên cho nhân viên Công ty, nhất là khối phòng nhân viên Kinh doanh, phòng ban Kho vận Logistics.

Công ty nên duy trì hình thức thưởng theo năng suất, sản lượng xếp dỡ, thưởng

chất lượng khi đạt được các mục tiêu sản xuất cụ thể trong khoảng thời gian nhất định

Công ty nên có quy chế thưởng cho làm việc nhóm để khuyến khích công tác làm việc theo nhóm đạt được kết quả lớn nhất.

Công ty phải luôn tạo ra nhiều cơ hội thăng tiến về nghề nghiệp, chức vụ cho tất cả người lao động đang làm việc tại đơn vị.

3.4. Giải pháp sử dụng vốn ngắn hạn

Công ty cần có sự quản lý và kiểm soát vốn lưu động để sử dụng một cách hợp lý, cần giảm chi phí tài chính, giảm nợ vay vì chi phí lãi vay nói riêng và chi phí tài chính nói chung đang có tốc độ tăng bình quân lên tới 56.06% trong bốn năm qua, chiếm tỷ trọng từ 2.12% (2014) tăng lên 4.68% (2017) so với doanh thu thuần, chi phí tài chính cao gây tổn thất không nhỏ đến lợi nhuận sau thuế của công ty.

Quản lý tốt nguồn tiền mặt tại quỹ bằng cách xác định nhu cầu sử dụng tiền mặt trong từng giai đoạn, tránh gây ứ đọng vốn tiền mặt quá nhiều trong thời gian ngắn hạn cũng như hạn chế lãng phí trong chi tiêu, sao cho khoản mục tiền mặt được sử dụng hiệu quả nhất. Công ty cần tận dụng thời cơ thị trường vốn, tính toán cân trọng để lựa chọn phương thức, thời điểm huy động vốn nhằm huy động thành công với chi phí hợp lý.

3.5. Giải pháp sử dụng vốn dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn của công ty cần được đánh giá lại khi đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết, các dự án đầu tư tài chính nào trong giai đoạn 2014 - 2017 vừa qua không hiệu quả, không mang lại nguồn thu như mong muốn cho công ty hoặc thậm chí gây lỗ thì nên giảm bớt, rút vốn để bảo toàn vốn và tìm kiếm kênh đầu tư khác tốt hơn.

Đánh giá lại tài sản cố định định kỳ với mục đích điều chỉnh lại kịp thời mức khấu hao, tỷ lệ khấu hao sao cho phù hợp với giá trị thị trường và thời gian hoàn vốn vì đặc thù khai thác nên Công ty có quy mô tài sản cố định chiếm tỷ trọng cao từ 49.0% - 67.7% trong tổng tài sản của công ty nên công tác quản lý, giám sát TSCĐ cần được chú trọng, xử lý những tài sản đã lỗi thời, hư hỏng, tiêu hao nhiều nhiên liệu, động lực, khả năng sinh lời thấp.

Công ty nên có các hoạt động khảo sát, đánh giá hiệu quả kinh tế của dự án trước khi lên kế hoạch định kỳ cho việc đầu tư mới, mở rộng quy mô phương tiện, thiết bị sát với nhu cầu thực tiễn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và trong giới hạn nguồn vốn cho phép để tăng năng suất lao động và tiết kiệm chi phí tránh đầu tư thừa, dàn trải.

3.6. Một số giải pháp khác

Nâng cao năng lực chuyên môn và thường xuyên trau dồi đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ quản trị tài chính.

Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, luôn kiểm tra giám sát chi phí trong từng khâu của toàn bộ hoạt động SXKD, giảm sự rủi ro, tránh được tiêu cực lãng phí nhằm mục tiêu giảm chi phí góp phần tăng lợi nhuận. Không ngừng chuyên môn hoá, phân cấp, phân quyền rõ ràng. Bổ nhiệm người đứng đầu bộ phận theo kế hoạch và có biện pháp kiểm soát quy trình tuyển dụng hợp lý. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý theo quy trình. Nghiên cứu xây dựng hệ thống đánh giá và trả lương theo năng suất.

Ứng dụng phần mềm hiện đại hơn vào quản lý hoạt động SXKD, phần mềm quản lý dòng chảy hàng hóa đặc biệt là hàng container trong khu vực cảng để tăng tính tương tác giữa Công ty và khách hàng từ đó làm tăng giá trị gia tăng cho khách hàng.

4. Kết luận

Thực trạng hiệu quả sử dụng vốn của CTCP cảng Đồng Nai giai đoạn 2014-2017 vừa qua chưa thực sự cao, nhất là khả năng sinh lời của tổng tài sản và vốn ngắn hạn cũng như ở TSCĐ cần được quan tâm và cải thiện nhiều hơn nữa. Rất cần áp dụng những giải pháp hữu ích để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cũng như bảo toàn và phát triển nguồn vốn kể từ khi thành lập. Các điểm yếu trong công tác sử dụng vốn mà công ty đang đối mặt nên được đánh giá mức độ quan trọng để biết được sức ảnh hưởng của đối tượng nào đang lớn, từ đó đưa ra kế hoạch áp dụng các giải pháp đã nêu trên để cải tiến, điều chỉnh kịp thời, không nên xử lý dàn trải quá nhiều vấn đề mà lơ là mất vấn đề trọng yếu đang gây tiêu cực đến công ty □

Tài liệu tham khảo

- [1] GS.TS. Nguyễn Thành Độ (2012), *Quản trị kinh doanh*, Nxb Đại Học Kinh Tế Quốc Dân, Hà Nội.
- [2] GS.TS Ngô Đình Giao (1997), *Giáo trình quản trị kinh doanh tổng hợp trong các doanh nghiệp*, NXB Khoa học kỹ thuật.
- [3] GS.TS. Phạm Quang Trung (2012), *Giáo trình quản trị tài chính doanh nghiệp*, NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân
- [4] www.dongnai-port.com

Ngày nhận bài: 19/7/2018

Ngày chuyển phản biện: 23/7/2018

Ngày hoàn thành sửa bài: 13/8/2018

Ngày chấp nhận đăng: 20/8/2018